

THIẾT KẾ QUY TRÌNH DẠY ĐỌC HIỂU VĂN BẢN “HAI ĐỨA TRẺ” CỦA THẠCH LAM THEO HƯỚNG TIẾP CẬN KÍ HIỆU HỌC

Lê Thành Quý ⁽¹⁾

(1) Trường Đại học Cần Thơ

Ngày nhận bài: 24/9/2025; Chấp nhận đăng: 30/12/2025

Email tác giả: lethanhquictu@gmail.com

Tóm tắt

Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 nhấn mạnh định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học, vì vậy việc đổi mới phương pháp dạy học Ngữ văn trở thành yêu cầu tất yếu. Trong bối cảnh đó, vận dụng các lý thuyết tiếp cận hiện đại như kí hiệu học vào dạy học đọc hiểu văn bản là một hướng đi có nhiều tiềm năng. Bài viết được thực hiện trên cơ sở vận dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu: lý thuyết, nghiên cứu văn bản và phân tích - tổng hợp. Dựa trên những đặc trưng truyện ngắn Thạch Lam, giá trị tư tưởng và nghệ thuật của tác phẩm Hai đứa trẻ, cùng việc vận dụng các khái niệm và nguyên tắc cơ bản của kí hiệu học, bài viết đề xuất một quy trình dạy học đọc hiểu gồm năm bước: (1) định hướng nhận diện kí hiệu; (2) khám phá và ghi nhận kí hiệu; (3) phân tích mối quan hệ giữa cái biểu đạt và cái được biểu đạt; (4) giải mã các tầng nghĩa; (5) khái quát thông điệp và giá trị văn hoá - xã hội. Quy trình này được xây dựng nhằm định hướng giáo viên tổ chức hoạt động đọc hiểu văn bản theo hướng tiếp cận kí hiệu học, góp phần làm rõ khả năng chuyển hóa các khái niệm lí thuyết thành thao tác sư phạm trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông. Trên cơ sở đó, bài viết đưa ra một số yêu cầu và thách thức trong việc thiết kế hoạt động dạy học đọc hiểu Ngữ văn theo định hướng kí hiệu học.

Từ khóa: Chân trời sáng tạo, dạy học đọc hiểu, Hai đứa trẻ, kí hiệu học, Ngữ văn 12, thiết kế quy trình.

Abstract

DESIGNING A READING COMPREHENSION TEACHING PROCEDURE FOR “HAI ĐỨA TRẺ” BY THACH LAM FROM A SEMIOTIC APPROACH

The 2018 General Education Curriculum in Vietnam emphasizes the development of learners' qualities and competencies, making the innovation of teaching methods in Literature an inevitable requirement. In this context, applying modern theoretical approaches such as semiotics to the teaching of reading comprehension offers considerable potential. This study is conducted through a combination of theoretical research, textual analysis, and analytical-synthetic methods. Based on the distinctive features of Thạch Lam's short stories, the ideological and artistic values of *Two Children*, and the application of fundamental concepts and principles of semiotics, the paper proposes a five-step procedure for teaching reading comprehension: (1) orienting the identification of signs; (2) exploring and recording signs; (3) analyzing the relationship between the signifier and the signified; (4) decoding layers of meaning;

and (5) generalizing messages and cultural-social values. This procedure aims to guide teachers in organizing reading comprehension activities from a semiotic perspective, thereby clarifying the feasibility of transforming theoretical concepts into pedagogical practices in Literature teaching at the secondary school level. On this basis, the paper also discusses several requirements and challenges in designing reading comprehension activities according to a semiotic-oriented approach.

1. Đặt vấn đề

Trong tiến trình hiện đại hóa văn học Việt Nam giai đoạn 1930-1945, Thạch Lam là một trong những cây bút tiêu biểu. Ông được biết đến với phong cách giàu chất trữ tình, tinh tế trong việc khám phá những chuyển động vi tế của đời sống nội tâm con người. Truyện ngắn của Thạch Lam không đặt trọng tâm vào cốt truyện hay kịch tính mà thường hướng đến việc khơi gợi cảm xúc, suy ngẫm của người đọc qua những chi tiết giản dị, gần gũi nhưng thấm đượm tinh thần nhân văn. Trong số đó, *Hai đứa trẻ* là tác phẩm nổi bật, được đưa vào giảng dạy trong chương trình Ngữ văn 12 hiện hành (bộ sách Chân trời sáng tạo). *Hai đứa trẻ* là tác phẩm có hệ thống hình tượng, chi tiết và hình ảnh mang tính biểu trưng, gợi mở nhiều liên tưởng, tạo nên những tầng nghĩa sâu sắc. Những yếu tố ấy không chỉ có chức năng miêu tả hay gợi hình mà còn vận hành như các kí hiệu nghệ thuật nhằm chuyên chở tư tưởng, thông điệp và giá trị nhân văn mà tác giả gửi gắm.

Kí hiệu học (Semiotics) là lý thuyết nghiên cứu về kí hiệu và hệ thống kí hiệu, được hình thành vào cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX. Với cơ chế tạo mã - sinh nghĩa, kí hiệu học mang đến cho người đọc những định hướng để nhận diện, phân tích và giải mã các tín hiệu thẩm mỹ trong tác phẩm văn học. Văn bản văn học, vì thế, không chỉ là sản phẩm của ngôn ngữ mà còn là một hệ thống kí hiệu phức hợp, trong đó mỗi chi tiết, hình ảnh, biểu tượng đều là các kí hiệu có khả năng kiến tạo nghĩa. Khi đặt trong dòng chảy của văn bản, các kí hiệu không tồn tại tách biệt mà luôn tương tác, va đập với hiện thực và với các kí hiệu khác để sản sinh nhiều lớp nghĩa mới. Như vậy, có thể xem kí hiệu văn học như “một dạng siêu kí hiệu học, vì nó không chỉ nghiên cứu kí hiệu mà còn nghiên cứu chính chủ thể tạo sinh kí hiệu trên cả ba bình diện: người phát - thông điệp - người nhận” (Lê Huy Bắc, 2019). Kí hiệu học không chỉ có ý nghĩa trong nghiên cứu lý luận mà còn cho thấy khả năng ứng dụng thiết thực trong giảng dạy Ngữ văn, nhằm giúp học sinh tiếp cận tác phẩm chủ động, đọc hiểu sâu hơn, đồng thời phát triển tư duy phân tích, khả năng liên hệ và khái quát hóa thông điệp.

Trong những năm gần đây, việc dạy học Ngữ văn dưới góc độ lí thuyết kí hiệu học đã bước đầu được quan tâm thông qua một số công trình và bài viết, có thể kể đến như: *Giảng dạy văn chương Tự Lực văn đoàn dưới ánh sáng của kí hiệu học* (Hồ Thị Xuân Quỳnh, 2016); *Dạy học đọc hiểu văn bản thơ trữ tình trong chương trình Ngữ văn 12 theo lý thuyết kí hiệu học* (Lê Thị Trang Nhung, 2018); *Một số luận điểm cơ bản của lý thuyết kí hiệu học có thể vận dụng vào quá trình đọc hiểu văn bản văn chương ở nhà trường trung học* (Ngô Thị Trang, 2018). Tuy nhiên, nhìn chung, số lượng các nghiên cứu theo hướng này còn hạn chế, phạm vi ứng dụng chưa thật sự rộng, trong khi tiềm năng của kí hiệu học đối với dạy học Ngữ văn vẫn còn nhiều dư địa để tiếp tục khai thác.

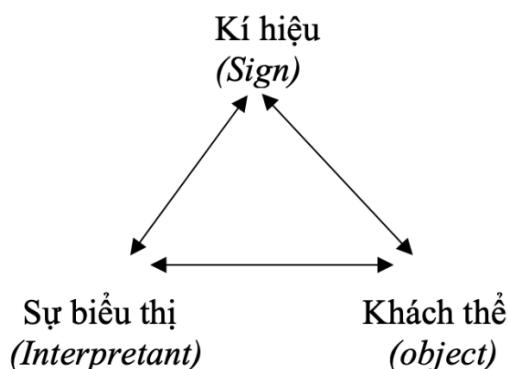
Hai đứa trẻ của Thạch Lam là tác phẩm giàu giá trị tư tưởng và nghệ thuật, đồng thời chứa đựng hệ thống hình ảnh, chi tiết mang tính kí hiệu cao, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận từ góc độ kí hiệu học. Mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu và bài giảng đề cập đến tác phẩm từ các hướng tiếp cận khác nhau, song việc vận dụng lí thuyết

kí hiệu học một cách có hệ thống để thiết kế quy trình dạy học đọc hiểu cụ thể cho tác phẩm này vẫn chưa được bàn luận một cách đầy đủ. Xuất phát từ thực tiễn đó, bài viết vận dụng lí thuyết kí hiệu học trong việc thiết kế một quy trình dạy học đọc hiểu văn bản *Hai đứa trẻ*, nhằm gợi ý cho giáo viên Ngữ văn một hướng tiếp cận và tổ chức hoạt động đọc hiểu phù hợp với yêu cầu đổi mới dạy học theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, đồng thời góp phần bổ sung tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu và vận dụng tiếp cận kí hiệu học trong giảng dạy Ngữ văn ở trường phổ thông.

2. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

2.1. Lý thuyết kí hiệu học và cách thức vận dụng trong thiết kế dạy học đọc hiểu môn Ngữ văn

Kí hiệu học (semiotics) là ngành khoa học nghiên cứu về các kí hiệu (Chandler, 2007). Lịch sử hình thành kí hiệu học có thể truy nguyên từ thời Hy Lạp cổ đại, khởi nguồn từ những tư tưởng của Platon và Aristote về mối quan hệ giữa sự vật, tư tưởng và ngôn ngữ. Đến thế kỷ XVII, triết gia người Anh John Locke (1632-1704) trong tác phẩm *An Essay Concerning Human Understanding* (Luận về sự hiểu biết của con người) đã sử dụng lại thuật ngữ “*semeiotiké*” (theo tiếng Hy Lạp) để chỉ một trong ba phân ngành cơ bản của tri thức. Tuy nhiên, ở giai đoạn này, kí hiệu học vẫn chỉ tồn tại như một khái niệm mà chưa hình thành một hệ thống lý luận hoàn chỉnh nào để trở thành ngành khoa học độc lập. Phải đến nửa sau thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, kí hiệu học mới được định hình rõ nét khi Charles Sanders Peirce (1839-1914) và Ferdinand de Saussure (1857-1913) đặt nền móng cho sự phát triển của kí hiệu học hiện đại. Charles Sanders Peirce đã phát triển lý thuyết kí hiệu học với quan điểm rất rộng: “Con người tư duy bằng kí hiệu. Kí hiệu giúp nhận thức, cảm xúc và trí tuệ con người vươn xa trên hành trình chinh phục tự nhiên, duy trì sự sống... bất cứ sự vật, hiện tượng nào được con người phổ nghĩa và đưa vào giao tiếp thì đều trở thành kí hiệu” (Lê Huy Bắc, 2016). Từ quan điểm trên, Peirce tiến hành xây dựng mô hình kí hiệu ba thành tố gồm: cái đại diện (representamen), đối tượng (object) và cái diễn giải (interpretant) nhằm nhấn mạnh tính động và liên tục của quá trình tạo nghĩa. Tuy nhiên, trong phạm vi của bài viết này, chúng tôi chỉ trình bày cấu trúc tam vị của Peirce ở dạng cơ bản, theo mô hình mà nhà nghiên cứu Đinh Hồng Hải (2014) đã xác lập, nhằm làm cơ sở cho việc phân tích biểu tượng dưới góc nhìn kí hiệu học.



Hình 1. Mô hình kí hiệu tam vị của Charles Sanders Peirce

Nguồn: Đinh Hồng Hải, 2014

Cũng trong thời điểm đó, Ferdinand de Saussure - nhà ngôn ngữ học Thụy Sĩ đã tiếp cận kí hiệu học từ đường hướng ngôn ngữ học, ông đã dự báo sự ra đời của một ngành khoa học mới mang tên “semiology” mà ngôn ngữ học chỉ là một bộ phận, đó là kí hiệu học. Saussure (2005) định nghĩa kí hiệu học là “*ngành khoa học nghiên cứu đời sống của các dấu hiệu trong lòng xã hội*”. Saussure đề xuất mô hình kí hiệu hai bình diện gồm: cái biểu đạt (signifier) là hình ảnh âm, ngữ âm; cái được biểu đạt (signified) là khái niệm, ý nghĩa; mối quan hệ giữa hai yếu tố này mang tính võ đoán và được thiết lập bởi quy ước xã hội.

Kí hiệu (Sign) =	Cái biểu đạt (signifier)
	Cái được biểu đạt (signified)

Hình 2. Mô hình kí hiệu nhị phân của Ferdinand de Saussure

Nguồn: Đinh Hồng Hải, 2014

Từ nền tảng lý thuyết của Charles Sanders Peirce và Ferdinand de Saussure, nhiều học giả sau này như Louis Hjelmslev, Umberto Eco, Roman Jakobson, Roland Barthes, Iu. M. Lotman... đã phát triển và mở rộng phạm vi nghiên cứu lý thuyết kí hiệu học sang nhiều lĩnh vực, đặc biệt là trong việc phân tích, lý giải các tác phẩm văn học nghệ thuật.

Vận dụng lý thuyết kí hiệu học trong việc dạy học Ngữ văn là quá trình tổ chức cho học sinh tiếp cận tác phẩm như một hệ thống kí hiệu mang nhiều tầng nghĩa, từ đó rèn luyện năng lực giải mã và cảm thụ văn bản ở chiều sâu. Dựa trên quan điểm của Ferdinand de Saussure về mô hình kí hiệu nhị phân, trong đó mỗi kí hiệu gồm hai mặt: “cái biểu đạt” (signifier) và “cái được biểu đạt” (signified), chúng tôi thiết kế và đề xuất quy trình giảng dạy Ngữ văn theo hướng kí hiệu học gồm các bước sau:

Bước 1: Định hướng nhận diện kí hiệu

Đây là giai đoạn khởi đầu trong việc tổ chức dạy học đọc hiểu văn bản theo lý thuyết kí hiệu học. Trong bước này, người dạy sẽ cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản về kí hiệu, chỉ ra các thành tố cấu thành và mối quan hệ giữa “cái biểu đạt” (signifier) và “cái được biểu đạt” (signified). Hoạt động này nhằm hình thành ở người học năng lực quan sát, phân biệt và định danh các đơn vị kí hiệu trong văn bản văn học.

Bước 2: Khám phá và ghi nhận kí hiệu trong văn bản

Từ những định hướng ở bước 1, người học tiến hành tiếp nhận văn bản với sự chú ý đặc biệt đến những yếu tố nổi bật như hình ảnh, âm thanh, màu sắc, không gian, thời gian... Các yếu tố đó có tần suất lặp lại hoặc tiềm ẩn khả năng gợi mở ý nghĩa vượt ra ngoài phạm vi tả thực; sau đó người học sẽ nhận diện và ghi chép lại như nguồn tư liệu cho quá trình phân tích ở các bước tiếp theo.

Bước 3: Phân tích mối quan hệ giữa “cái biểu đạt” và “cái được biểu đạt”

Từ các đơn vị kí hiệu đã được nhận diện ở bước 2, người học tiếp tục xác lập mối quan hệ giữa phương diện hình thức bên ngoài (cái biểu đạt) và phương diện ý nghĩa bên trong (cái được biểu đạt). Quá trình phân tích này đòi hỏi vừa mô tả chính xác yếu tố hình thức, vừa diễn giải nội dung, giá trị thẩm mỹ và tư tưởng mà yếu tố hình thức chuyển tải.

Bước 4: Giải mã các tầng nghĩa của kí hiệu

Sau khi xác lập mối quan hệ giữa “cái biểu đạt” và “cái được biểu đạt”, các kí hiệu tiếp tục được đặt trong hệ quy chiếu rộng hơn, bao gồm bối cảnh văn hóa - xã hội, cũng như quan niệm nghệ thuật của tác giả. Hoạt động giải mã vì thế hướng tới việc làm sáng tỏ các lớp nghĩa từ trực tiếp (nghĩa tả thực) đến gián tiếp (nghĩa biểu tượng), qua đó khai mở chiều sâu tư tưởng và giá trị thẩm mỹ của tác phẩm.

Bước 5: Khái quát thông điệp và giá trị văn hoá - xã hội

Trên cơ sở phân tích và giải mã ở các bước trước đó, người học tiến hành tổng hợp, khái quát thành tư tưởng chủ đạo, thông điệp nghệ thuật và giá trị văn hoá - xã hội của tác phẩm.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, chúng tôi vận dụng kết hợp các phương pháp: nghiên cứu lý thuyết, nghiên cứu văn bản, phân tích - tổng hợp. Phương pháp nghiên cứu lý thuyết được vận dụng để tìm hiểu các vấn đề lý luận về kí hiệu học, dạy học đọc hiểu văn bản và những yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Phương pháp nghiên cứu văn bản tập trung vào việc đọc và giải mã tác phẩm Hai đứa trẻ của Thạch Lam theo hướng kí hiệu học; trên cơ sở phân tích cấu trúc biểu tượng, chi tiết nghệ thuật và hệ thống tín hiệu thẩm mỹ, phương pháp này góp phần làm rõ mối quan hệ giữa “cái biểu đạt” và “cái được biểu đạt”, từ đó khai mở các tầng nghĩa của tác phẩm. Cuối cùng, phương pháp phân tích - tổng hợp được vận dụng để đối chiếu kết quả nghiên cứu lý thuyết với ngữ liệu văn bản, từ đó khái quát thành quy trình dạy học đọc hiểu theo định hướng kí hiệu học.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Cơ sở vận dụng lý thuyết kí hiệu học trong thiết kế quy trình dạy học đọc hiểu văn bản “Hai đứa trẻ” của Thạch Lam

Việc vận dụng kí hiệu học vào thiết kế quy trình giảng dạy văn bản Hai đứa trẻ của Thạch Lam (Ngữ văn 12, Chân trời sáng tạo) cần được đặt trên cơ sở thực tiễn nhằm bảo đảm tính khả thi và hiệu quả. Những cơ sở đó xuất phát từ ba phương diện chính: (1) Đặc điểm của tác phẩm; (2) Yêu cầu của Chương trình môn Ngữ văn 2018; (3) Yêu cầu cần đạt của bài học.

Trước hết, truyện ngắn của Thạch Lam nói chung giàu chất trữ tình và tính hiện thực, tập trung khắc họa những khoảnh khắc đời sống bình dị, ít kịch tính nhưng giàu sức gợi, đồng thời gửi gắm những thông điệp nhân văn sâu sắc. Các chi tiết nghệ thuật trong sáng tác của ông thường được tổ chức như những “tín hiệu” mang khả năng gợi liên tưởng, giúp người đọc tiếp nhận không chỉ ở phương diện hình thức mà còn ở nhiều tầng nghĩa hàm ẩn. *Hai đứa trẻ* là tác phẩm tiêu biểu với hệ thống hình ảnh, chi tiết giàu tính tạo hình và mang giá trị biểu trưng; vì thế, rất thích hợp cho việc tiếp cận từ lý thuyết kí hiệu học. Những hình ảnh như: phương tây đỏ rực, tiếng trống thu không, mùi âm ẩm của đất, ngọn đèn con, đoàn tàu đêm,... đều có thể được xem là những kí hiệu nghệ thuật gồm hai mặt: phản ánh hiện thực và hàm chứa nghĩa biểu tượng. Việc phân tích mối quan hệ giữa hình thức biểu đạt và nội dung được biểu đạt của các kí hiệu này sẽ giúp người học khám phá sâu hơn các giá trị mà tác phẩm chuyển tải.

Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 với định hướng đổi mới căn bản trong dạy học Ngữ văn đã xác định: “Chương trình giáo dục phổ thông bảo đảm phát triển phẩm

chất và năng lực người học thông qua nội dung giáo dục với những kiến thức, kĩ năng cơ bản, thiết thực, hiện đại; hài hoà đức, trí, thể, mĩ; chú trọng thực hành, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề trong học tập và đời sống; tích hợp cao ở các lớp học dưới, phân hoá dần ở các lớp học trên; thông qua các phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục phát huy tính chủ động và tiềm năng của mỗi học sinh, các phương pháp đánh giá phù hợp với mục tiêu giáo dục và phương pháp giáo dục để đạt được mục tiêu đó” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018). Như vậy, chương trình không chỉ nhấn mạnh phát triển năng lực đọc - hiểu ở chiều sâu thay cho lối tiếp nhận thụ động, mà còn coi học sinh là chủ thể khám phá và kiến tạo ý nghĩa văn bản. Điều này đã mở ra cơ sở thuận lợi để vận dụng lý thuyết kí hiệu học vào việc kế thiết quy trình dạy học đọc hiểu tác phẩm *Hai đứa trẻ* của Thạch Lam, bởi lý thuyết này hướng tới việc nhận diện, phân tích và giải mã hệ thống kí hiệu trong văn bản, giúp học sinh chủ động kiến tạo tri thức, đào sâu tư duy và mở rộng liên hệ với đời sống.

Cuối cùng, trong Bài 2: *Những ô cửa nhìn ra cuộc sống*; Văn bản 2: *Hai đứa trẻ* (Ngữ văn 12, Chân trời sáng tạo) đã đặt ra những yêu cầu cần đạt tiêu biểu sau:

Bảng 1. Yêu cầu cần đạt Bài 2, Ngữ văn 12 - bộ sách Chân trời sáng tạo

Thứ tự	Yêu cầu cần đạt
1	Nhận biết được một số đặc điểm cơ bản của phong cách hiện thực và lãng mạn qua các tác phẩm truyện tiêu biểu;
2	Phân tích được các chi tiết tiêu biểu , sự kiện, ngôi kể, điểm nhìn, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của truyện; đánh giá được vai trò của những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản ;
3	Phân tích và đánh giá giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ của tác phẩm, phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lý nhân sinh từ văn bản ;
4	Cảm thông với những nỗi bất hạnh và trân trọng những khát vọng, ước mơ đẹp đẽ của con người.

Nguồn: Nguyễn Thành Thi, 2023

Có thể thấy, những yêu cầu trên có sự tương thích cao với phương pháp giảng dạy từ lý thuyết kí hiệu học. Thực chất, tiến trình dạy học theo lý thuyết kí hiệu học đều gắn với các năng lực mà yêu cầu cần đạt của bài học hướng tới: việc nhận diện kí hiệu trong văn bản giúp người học làm rõ đặc điểm phong cách hiện thực và lãng mạn; quá trình phân tích mối quan hệ giữa “cái biểu đạt” và “cái được biểu đạt” giúp rèn luyện khả năng phân tích chi tiết nghệ thuật; hoạt động giải mã tầng nghĩa làm sáng tỏ giá trị nhận thức, giáo dục, thẩm mỹ cũng như triết lý nhân sinh; còn bước khái quát thông điệp và giá trị nhân văn trực tiếp nuôi dưỡng sự cảm thông, đồng cảm và bồi đắp những phẩm chất nhân văn nơi học sinh. Như vậy, thiết kế quy trình dạy học dưới định hướng của lý thuyết kí hiệu học hoàn toàn phù hợp với những yêu cầu cần đạt mà chương trình Ngữ văn 12 - bộ sách Chân trời sáng tạo đặt ra đối với văn bản *Hai đứa trẻ*.

3.2. Thiết kế quy trình vận dụng lý thuyết kí hiệu học trong dạy học đọc hiểu văn bản “*Hai đứa trẻ*” của Thạch Lam

Dựa trên cơ sở những đề xuất về quy trình giảng dạy Ngữ văn theo lý thuyết kí hiệu học, chúng tôi tiến hành thiết kế hoạt động dạy học đọc hiểu văn bản *Hai đứa trẻ* của Thạch Lam (Ngữ văn 12, Chân trời sáng tạo) theo các bước như sau:

Bước 1: Định hướng nhận diện kí hiệu

Mục đích: Giúp học sinh hiểu khái niệm kí hiệu văn học, tạo nền tảng để phân biệt “cái biểu đạt” và “cái được biểu đạt”, để từ đó vận dụng vào việc phân tích, giải mã tác phẩm.

Cách tiến hành:

(1) Giáo viên giới thiệu khái niệm kí hiệu học và nhấn mạnh: mỗi chi tiết/hình ảnh trong tác phẩm văn học có thể xem là một kí hiệu gồm hai mặt: “cái biểu đạt” và “cái được biểu đạt”.

(2) Để học sinh dễ tiếp cận, giáo viên có thể chuyển hoá cách gọi “cái biểu đạt” và “cái được biểu đạt” của kí hiệu theo cách đơn giản sau:

- “Cái biểu đạt” - “hình thức bên ngoài”: những gì ta nhìn thấy/nghe thấy trong tác phẩm như hình ảnh, âm thanh, màu sắc, hành động...

- “Cái được biểu đạt” - “ý nghĩa bên trong”: điều mà hình thức bên ngoài gợi ra, có thể là cảm xúc, suy nghĩ, thông điệp hay bài học mà tác giả gửi gắm.

- Nói dễ hiểu: “*cái biểu đạt*” giống như “chiếc vỏ” bên ngoài, còn “*cái được biểu đạt*” là “ruột” hay “ý nghĩa” bên trong.

(3) Giáo viên đưa ra ví dụ quen thuộc trong đời sống để học sinh hình dung:

- Hoa sen: hình thức bên ngoài (cái biểu đạt) là bông hoa sen; ý nghĩa bên trong (cái được biểu đạt) là sự thanh cao, thuần khiết, gắn với văn hóa Việt Nam.

- Chiếc khăn quàng đỏ: hình thức bên ngoài (cái biểu đạt) là một chiếc khăn màu đỏ học sinh đeo ở cổ; ý nghĩa bên trong (cái được biểu đạt) là biểu tượng của thiếu niên, mang ý nghĩa của tinh thần đoàn kết và niềm tự hào khi được đứng trong hàng ngũ Đội.

Bước 2: Khám phá và ghi nhận kí hiệu trong văn bản

Mục đích: Giúp học sinh tìm kiếm, phát hiện và nhận diện các yếu tố mang tính biểu trưng trong *Hai đứa trẻ*, tạo tư liệu cho quá trình phân tích ở bước tiếp theo.

Cách tiến hành:

(1) Đọc - quan sát: Học sinh đọc kĩ văn bản *Hai đứa trẻ*, chú ý đến những chi tiết, hình ảnh, âm thanh, không gian, màu sắc... xuất hiện nổi bật hoặc lặp lại nhiều lần, có khả năng gợi ý nghĩa vượt ra ngoài tả thực.

(2) Ghi chú - đánh dấu: Học sinh tiến hành gạch chân, đánh dấu trong SGK những kí hiệu tiêu biểu.

Gợi ý một số kí hiệu trong văn bản *Hai đứa trẻ*: Phương tây đỏ rực; Tiếng trống thu không; Mùi âm ẩm bốc lên từ đất; Bóng tối tràn ngập phố huyện; Ngọn đèn con của chị Tí; Đoàn tàu đêm....

Bước 3: Phân tích cặp phạm trù “cái biểu đạt” và “cái được biểu đạt” của kí hiệu

Mục đích: Giúp học sinh phân tích mối quan hệ giữa hình thức bên ngoài (cái biểu đạt) và ý nghĩa bên trong (cái được biểu đạt) của các kí hiệu đã được nhận diện ở bước 2 để khám phá tầng nghĩa và giá trị biểu trưng.

Cách tiến hành:

(1) Giáo viên chia lớp thành 5 nhóm, mỗi nhóm phụ trách 1 kí hiệu trong văn bản *Hai đứa trẻ* và hoàn thành phiếu thảo luận:

- Nhóm 1: Phương tây đỏ rực
- Nhóm 2: Tiếng trống thu không
- Nhóm 3: Mùi âm ẩm bốc lên từ đất
- Nhóm 4: Ngọn đèn con của chị Tí
- Nhóm 5: Đoàn tàu đêm

(2) Yêu cầu học sinh:

- Xác định “cái biểu đạt” và “cái được biểu đạt”.
- Ghi lại đoạn văn có chứa kí hiệu từ tác phẩm để minh họa.

(3) Học sinh tiến hành thảo luận nhóm (5-7 phút) để thống nhất ý kiến và điền vào phiếu sau:

Bảng 2. Phiếu thảo luận nhóm

Nhóm..... - Kí hiệu:.....		
Hình thức bên ngoài (Cái biểu đạt)	Ý nghĩa bên trong (Cái được biểu đạt)	Trích dẫn đoạn văn có chứa kí hiệu
.....

Nguồn: Tác giả, 2025

(4) Đại diện mỗi nhóm báo cáo (5-7 phút), các nhóm còn lại đặt câu hỏi, nhận xét hoặc bổ sung.

(5) Giáo viên nhận xét, bổ sung và chốt kiến thức.

Bước 4: Giải mã tầng nghĩa của kí hiệu

Mục đích: Giúp học sinh không chỉ dừng lại ở việc nhận diện và phân tích mối quan hệ giữa “cái biểu đạt” và “cái được biểu đạt”, mà còn đặt các kí hiệu vào bối cảnh văn hóa - xã hội để khám phá những lớp nghĩa của kí hiệu, bao gồm cả nghĩa tả thực và nghĩa biểu tượng.

Cách tiến hành: Các nhóm lần lượt trình bày kết quả giải mã tầng nghĩa của kí hiệu mình phụ trách.

(1) Xác định nghĩa tả thực:

Giáo viên đặt câu hỏi: *Kí hiệu này tả lại điều gì trong hiện thực tác phẩm?*

Gợi ý:

- Phương tây đỏ rực: cảnh cuối ngày ở phố huyện.
- Tiếng trống thu không: âm thanh báo hiệu buổi chiều tàn.
- Mùi âm ẩm bốc lên từ đất: gợi tả sự ẩm thấp của phố huyện.

- Ngọn đèn con: dụng cụ thấp sáng của người bán hàng rong.
- Đoàn tàu đêm: phương tiện giao thông chạy qua phố huyện mỗi tối.

(2) Xác định nghĩa biểu tượng:

Học sinh các nhóm thảo luận câu hỏi: *Kí hiệu này còn gợi ra điều gì sâu xa hơn, ngoài nghĩa tả thực?*

Gợi ý:

- Hoàng hôn: sự tàn lụi, báo hiệu bóng tối phủ xuống, gợi cảm giác buồn bã và dự cảm về kiếp sống tù đọng, bế tắc nơi phố huyện.
- Tiếng trống thu không: nhịp sống chậm rãi, hiu hắt và đơn điệu, làm nổi bật sự vắng lặng và quẩn quanh của đời sống phố huyện.
- Mùi âm ẩm bốc lên từ đất: sự ngột ngạt, quẩn quanh và bế tắc trong đời sống của những con người nơi phố huyện.
- Ngọn đèn con: ánh sáng mong manh của kiếp người nhỏ bé nhưng vẫn tồn tại.
- Đoàn tàu đêm: khát vọng đổi thay, kết nối với thế giới hiện đại.

Gợi ý kết quả dự kiến:

Bảng 3. Kết quả dự kiến tìm hiểu “cái biểu đạt” và “cái được biểu đạt” của kí hiệu trong văn bản “Hai đứa trẻ”

Cái biểu đạt	Cái được biểu đạt	Trích dẫn văn bản
Phương tây đỏ rực	Cảnh kết thúc của một ngày; báo hiệu sự chìm dần vào bóng tối của phố huyện; gợi cảm giác buồn man mác và dự cảm về sự tàn lụi.	“Phương tây đỏ rực như lửa cháy và những đám mây ánh hồng như hòn than sắp tàn” (tr.40)
Tiếng trống thu không	Âm thanh báo hiệu buổi chiều tàn với nhịp điệu chậm rãi, thưa thớt; gợi không gian vắng vẻ, hiu hắt; làm tăng cảm giác tĩnh lặng và đơn điệu của đời sống.	“Tiếng trống thu không trên cái chòi của huyện nhỏ; từng tiếng một vang ra để gọi buổi chiều” (tr.40)
Mùi âm ẩm bốc lên từ đất	Không khí ẩm thấp, nghèo nàn; gợi sự tù túng và tăm tối; làm nổi bật hiện thực khắc nghiệt của cuộc sống nơi phố huyện	“Một mùi âm ẩm bốc lên, hơi nóng của ban ngày lẫn với mùi cát bụi quen thuộc quá...” (tr.41)
Ngọn đèn con của chị Tí	Dụng cụ thấp sáng của người bán hàng rong; ánh sáng yếu ớt, tượng trưng cho sự le lói của kiếp sống nhỏ bé, dù mong manh vẫn cố duy trì sự tồn tại	“Liên thấy mình sống giữa bao nhiêu sự xa xôi không biết như chiếc đèn con của chị Tí chỉ chiếu sáng một vùng đất nhỏ” (tr.46)
Đoàn tàu đêm	Đoàn tàu chạy qua phố huyện mỗi tối; biểu tượng của thế giới khác tươi sáng, náo nhiệt và hiện đại hơn; gợi niềm mơ ước, hy vọng đổi thay nhưng chỉ thoáng qua, mong manh	“Tiếng còi đã rít lên, và tàu rầm rộ đi tới. Liên dắt em đứng dậy để nhìn đoàn xe vụt qua, các toa đèn sáng trưng, chiếu ánh cả xuống đường... Rồi chiếc tàu đi vào đêm tối... Con tàu như đã đem một chút thế giới khác đi qua...” (tr.45)

Nguồn: Nguyễn Thành Thi, 2023

(3) Liên hệ với bối cảnh văn hóa - xã hội:

Giáo viên đặt câu hỏi: *Các em thử đặt kí hiệu này vào bối cảnh xã hội Việt Nam những năm 1930-1945 để hiểu rõ hơn.*

Gợi ý liên hệ: Đó là bối cảnh xã hội Việt Nam dưới chế độ thực dân nửa phong kiến; đời sống nơi phố huyện tri tri, tam tam, còn ánh sáng văn minh hiện đại chỉ le lói qua những chuyến tàu đêm.

(4) Mở rộng chiều sâu tiếp nhận:

Giáo viên yêu cầu học sinh so sánh: *Ý nghĩa kí hiệu này nếu đặt trong bối cảnh hiện tại sẽ khác gì so với bối cảnh trong tác phẩm?*

Gợi ý mở rộng: Đoàn tàu ngày nay có thể gợi về sự kết nối giao thương, nhưng trong bối cảnh của tác phẩm thì nó là biểu tượng của khát vọng mơ hồ và xa vời.

Giáo viên nhận xét, bổ sung, nhấn mạnh các lớp nghĩa chưa được khai thác đầy đủ.

Bước 5: Khái quát thông điệp và giá trị văn hoá - xã hội

Mục đích: Giúp học sinh từ việc giải mã tầng nghĩa của các kí hiệu chuyển sang khái quát thành tư tưởng, thông điệp và giá trị nhân văn mà tác phẩm truyền tải; đồng thời kết nối với đời sống và trải nghiệm cá nhân.

Cách tiến hành:

(1) Giáo viên yêu cầu học sinh xem lại toàn bộ kí hiệu đã phân tích ở bước 3 và giải mã ở bước 4.

(2) Học sinh thảo luận: *Các kí hiệu này cùng hướng tới bức tranh hiện thực và tư tưởng chung nào?*

(3) Rút ra thông điệp:

Gợi ý câu hỏi: *Tác phẩm muốn nói gì về cuộc sống phố huyện và những con người nơi đó? Thái độ, tình cảm của tác giả trước hiện thực này là gì?*

Gợi ý đáp án: *Hai đứa trẻ gửi gắm niềm thương cảm sâu sắc với những kiếp sống nhỏ bé, tù đọng; qua đó, khơi gợi khát vọng vươn tới một cuộc sống tươi sáng, tốt đẹp hơn.*

(4) Xác định giá trị văn hoá - xã hội:

Từ các kí hiệu, học sinh chỉ ra giá trị văn hoá - xã hội thể hiện qua tác phẩm:

- Phản ánh hiện thực phố huyện nghèo trong bối cảnh xã hội Việt Nam dưới chế độ thực dân nửa phong kiến.

- Lưu giữ không gian, sinh hoạt đầu thế kỷ XX.

- Góp phần bồi đắp giá trị nhân đạo, lòng cảm thông của người Việt Nam.

(5) Giáo viên khẳng định: Việc phân tích kí hiệu không chỉ giúp hiểu sâu một tác phẩm, mà còn giúp người đọc rút ra bài học sống và nuôi dưỡng tư duy nhân văn.

Giáo viên có thể đánh giá quá trình/các bước thực hiện nhiệm vụ của học sinh bằng bảng tiêu chí đánh giá theo 4 mức độ sau:

Bảng 4. Tiêu chí đánh giá kết quả làm việc của học sinh

Tiêu chí	Mức 4	Mức 3	Mức 2	Mức 1
Nhận diện kí hiệu	Xác định đúng và đầy đủ kí hiệu; nhận diện được bối cảnh xuất hiện	Xác định đúng kí hiệu, bối cảnh chưa rõ	Xác định kí hiệu còn thiếu hoặc nhầm 1 chi tiết	Không xác định được kí hiệu hoặc xác định sai hoàn toàn
Phân tích “cái biểu đạt”	Mô tả chi tiết, chính xác hình thức bên ngoài; trích dẫn chuẩn xác	Mô tả đúng nhưng chưa chi tiết; trích dẫn đầy đủ	Mô tả sơ sài, thiếu trích dẫn hoặc trích dẫn chưa chuẩn	Mô tả sai hoặc không có trích dẫn
Phân tích “cái được biểu đạt”	Xác định rõ ý nghĩa bên trong, gắn kết chặt với hình thức, diễn giải sâu	Xác định đúng ý nghĩa bên trong nhưng diễn giải chưa sâu	Ý nghĩa còn chung chung, ít liên hệ với hình thức	Không xác định được hoặc ý nghĩa sai
Giải mã tầng nghĩa	Làm rõ cả nghĩa tả thực và nghĩa biểu tượng; liên hệ bối cảnh chuẩn xác	Giải mã được cả hai nghĩa nhưng liên hệ bối cảnh còn hạn chế	Chỉ giải mã được một tầng nghĩa hoặc liên hệ chưa chính xác	Không giải mã được hoặc giải mã sai
Khái quát thông điệp	Nêu rõ thông điệp, giá trị nhân văn; liên hệ thực tế sâu sắc	Nêu được thông điệp, liên hệ còn đơn giản	Thông điệp chung chung, thiếu liên hệ	Không nêu được thông điệp hoặc thông điệp sai
Kỹ năng trình bày	Rõ ràng, mạch lạc, đúng thời gian; phối hợp nhóm hiệu quả	Khá rõ ràng, có sự phối hợp nhóm	Trình bày chưa mạch lạc, nhóm phối hợp chưa tốt	Trình bày rời rạc, thiếu phối hợp

Nguồn: Tác giả, 2025

Sau khi học sinh đã hoàn thành các bước phân tích và giải mã, giáo viên có thể tổng hợp, khái quát các kí hiệu và mối quan hệ của chúng với thông điệp, ý nghĩa văn hóa - xã hội của tác phẩm bằng sơ đồ trực quan. Cách trình bày này giúp học sinh có cái nhìn tổng thể, dễ tiếp cận hệ thống kí hiệu trong Hai đứa trẻ, đồng thời nhận thức rõ hơn giá trị nghệ thuật và nhân văn mà Thạch Lam gửi gắm trong tác phẩm.

Hình 3. Sơ đồ hoá hệ thống kí hiệu trong văn bản “Hai đứa trẻ”



Nguồn: Tác giả, 2025

4. Kết luận

Việc vận dụng lí thuyết kí hiệu học trong thiết kế dạy học đọc hiểu văn bản *Hai đứa trẻ* của Thạch Lam mở ra một hướng tiếp cận có ý nghĩa trong việc đổi mới phương pháp dạy học Ngữ văn theo tinh thần Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Thông qua việc tổ chức các hoạt động nhận diện, phân tích và giải mã hệ thống kí hiệu nghệ thuật, quy trình dạy học được đề xuất trong bài viết gợi ý cách thức chuyển hóa các khái niệm lí thuyết của kí hiệu học thành những thao tác sư phạm cụ thể, góp phần làm phong phú thêm phương thức tổ chức hoạt động đọc hiểu văn bản văn học ở trường phổ thông.

Tiếp cận kí hiệu học cho phép giáo viên định hướng học sinh tiếp cận văn bản như một hệ thống kí hiệu đa tầng nghĩa, qua đó tạo điều kiện để việc đọc hiểu không chỉ dừng lại ở việc nắm bắt nội dung bề mặt mà còn hướng tới việc khám phá các giá trị nghệ thuật, thông điệp nhân văn và ý nghĩa văn hóa - xã hội của tác phẩm. Tuy nhiên, việc triển khai dạy học theo định hướng này cũng đặt ra một số yêu cầu và thách thức nhất định, như: giáo viên cần có nền tảng tri thức lí luận vững chắc và khả năng thiết kế hoạt động phù hợp; học sinh cần được định hướng rõ ràng để tránh lúng túng trong quá trình giải mã kí hiệu; đồng thời, quỹ thời gian trên lớp cũng là một yếu tố cần được cân nhắc khi tổ chức khai thác hệ thống kí hiệu của văn bản.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lê Huy Bắc (2016). Những khái niệm cơ bản của kí hiệu học. Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia: Kí hiệu học - từ lý thuyết đến ứng dụng trong nghiên cứu và dạy học Ngữ văn. Hội thảo khoa học Quốc gia tháng 10/2016, Đại học Sư phạm Hà Nội, Nxb Giáo dục, 31-38.
- [2] Lê Huy Bắc (2019). *Ký hiệu và liên ký hiệu*. Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể. Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018.
- [4] Chandler, D. (2007). *Semiotics - The basics*. New York: Routledge.
- [5] Đinh Hồng Hải (2014). *Nghiên cứu biểu tượng một số hướng tiếp cận lý thuyết*. Nxb Thế giới.
- [6] Lê Thị Trang Nhung (2018). *Dạy học đọc hiểu văn bản thơ trữ tình trong chương trình Ngữ văn 12 theo lý thuyết ký hiệu học* (Luận văn Thạc sĩ Khoa học Giáo dục). Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.
- [7] Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2014). Nghị quyết số 88/2014/QH13 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.
- [8] Hồ Thị Xuân Quỳnh (2016). *Giảng dạy văn chương Tự Lực văn đoàn dưới ánh sáng của kí hiệu học*. Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia: Kí hiệu học - từ lý thuyết đến ứng dụng trong nghiên cứu và dạy học Ngữ văn. Hội thảo khoa học Quốc gia tháng 10/2016, Đại học Sư phạm Hà Nội, Nxb Giáo dục, 530-537.
- [9] Saussure, F. de. (2005). *Giáo trình Ngôn ngữ học đại cương* (Cao Xuân Hạo dịch). Nxb Khoa học Xã hội.
- [10] Nguyễn Thành Thi (chủ biên, 2023). *Ngữ văn 12 - Bộ sách Chân trời sáng tạo*. Nxb Giáo dục Việt Nam.
- [11] Ngô Thị Trang (2018). Một số luận điểm cơ bản của lý thuyết ký hiệu học có thể vận dụng vào quá trình đọc hiểu văn bản văn chương ở nhà trường trung học. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Hồng Đức*, 41, 134-142.